

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT
NAM- CÔNG TY CỔ
Phần

Digitally signed by TỔNG
CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT
NAM- CÔNG TY CỔ PHẦN
Date: 2026.03.23 15:25:42
+07'00'



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán riêng tổng hợp

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp

8

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tổng hợp

9 – 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng tổng hợp đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Ngọc Thạch	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên
Bà Đặng Phương Lan	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Đỗ Tùng Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Cao Khánh	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Bà Đặng Phương Lan	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Bà Phạm Thị Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Ông Trần Thanh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)
Bà Phạm Trâm Anh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trung Chuyên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty là ông Mai Xuân Phong, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Mai Xuân Phong

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Số: 85/2026/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng tổng hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tổng hợp đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty đến Thuyết minh số 4.2 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tổng hợp, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long với giá trị ghi sổ 36.071.360.000 VND. Theo quyết định số 1223/QĐ ngày 12/09/2025, Công an Thành phố Hải Phòng đã khởi tố vụ án hình sự "Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm". Ngày 13/01/2026, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long đã bị khởi tố theo quyết định số 171 của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hải Phòng. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng tổng hợp này, Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long vẫn chưa hoàn thành và công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Giá trị khoản đầu tư cũng như đánh giá dự phòng đối với khoản đầu tư này được xem xét trên Báo cáo tài chính của Công ty tự lập.
- Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng tổng hợp đến Thuyết minh số 10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng tổng hợp. Tại đó, Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến khoản vay với Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, với Báo cáo kiểm toán số 046/VACO/BCKIT.HCM ngày 21 tháng 03 năm 2025 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Hà Định
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2883-2024-240-1

Người được uỷ quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Cao Đức Trọng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5439-2026-240-1

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		352.793.100.528	348.065.263.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.150.959.407	275.470.207.063
1. Tiền	111		3.109.270.775	2.183.485.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.041.688.632	273.286.721.761
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	309.742.659.473	35.642.500.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		309.742.659.473	35.642.500.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.639.672.538	26.509.992.277
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	3.524.827.737	5.678.698.592
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	878.173.690	2.219.641.490
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	24.988.692.118	22.386.640.667
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.752.021.007)	(3.774.988.472)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	11.618.824.092	10.104.048.212
1. Hàng tồn kho	141		11.618.824.092	10.104.048.212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		640.985.018	338.516.077
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	156.104.805	228.463.707
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	484.880.213	110.052.370
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.618.078.992.382	1.620.428.608.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.458.406.227	4.423.661.340
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	4.481.548.027	4.423.661.340
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.6	(23.141.800)	-
II. Tài sản cố định	220		28.340.849.275	29.217.779.784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	12.403.950.510	12.495.270.479
Nguyên giá	222		100.318.045.267	99.260.632.836
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.914.094.757)	(86.765.362.357)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	15.936.898.765	16.722.509.305
Nguyên giá	228		25.929.238.472	25.929.238.472
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.992.339.707)	(9.206.729.167)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		692.599.033.782	692.513.233.782
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.12	692.599.033.782	692.513.233.782
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	892.273.105.100	893.998.861.920
1. Đầu tư vào công ty con	251		148.758.961.387	148.758.961.387
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		662.982.094.919	676.126.943.864
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		144.996.110.401	131.851.261.456
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(64.464.061.607)	(62.738.304.787)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		407.597.998	275.072.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	407.597.998	275.072.144
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.970.872.092.910	1.968.493.872.599

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.957.255.223	72.952.759.163
I. Nợ ngắn hạn	310		47.727.188.195	57.013.125.890
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	1.760.588.939	944.388.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	-	59.182.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	2.377.994.215	4.512.645.607
4. Phải trả người lao động	314	4.15	4.572.999.020	6.514.970.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	24.636.034.628	22.087.068.116
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	13.187.443.333	22.241.168.814
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.192.128.060	653.702.313
II. Nợ dài hạn	330		29.230.067.028	15.939.633.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	24.406.510.000	13.026.510.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	4.18	4.823.557.028	2.913.123.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.893.914.837.687	1.895.541.113.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	1.893.914.837.687	1.895.541.113.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(95.950.000)	(95.950.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.20	11.060.891.094	11.060.891.094
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		632.949.896.593	634.576.172.342
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		561.183.231.380	564.527.673.255
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		71.766.665.213	70.048.499.087
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.970.872.092.910	1.968.493.872.599

**Mai Xuân Phong**
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng
Lê Cao Thùy Linh
Người lập

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	93.082.540.992	84.085.963.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	91.390.698	54.901.325
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.991.150.294	84.031.062.549
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	54.506.994.230	44.036.637.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.484.156.064	39.994.425.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	64.080.919.806	59.342.655.726
7. Chi phí tài chính	22	5.5	1.748.935.016	(3.046.750.765)
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	6.044.190.199	5.443.546.517
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	18.968.052.914	20.855.318.017
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.803.897.741	76.084.967.361
11. Thu nhập khác	31	5.8	2.396.741.015	125.429.843
12. Chi phí khác	32	5.9	14.235.264	85.917.443
13. Lợi nhuận khác	40		2.382.505.751	39.512.400
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.186.403.492	76.124.479.761
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	4.509.304.524	7.680.196.053
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	1.910.433.755	(1.604.215.379)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.766.665.213	70.048.499.087


Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026


Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng
Lê Cao Thùy Linh
Người lập

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TỔNG HỢP**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	78.186.403.492	76.124.479.761
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.934.342.940	1.916.028.636
Các khoản dự phòng	03	1.725.931.155	(3.268.666.248)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.244.352)	(7.000.226)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(63.891.956.750)	(59.073.986.023)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	17.947.476.485	15.690.855.900
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.999.550.458	1.287.093.304
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.514.775.880)	(2.085.395.936)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.770.896.269	(2.203.402.477)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(60.166.952)	(103.752.538)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.725.129.485)	(9.129.662.958)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.109.740.215)	(5.989.400.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.308.110.680	(2.533.664.801)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.143.212.431)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	16.333.796	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(353.870.712.799)	(39.876.435.139)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	79.770.553.326	122.671.388.642
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.343.889.522	61.752.065.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(212.883.148.586)	144.547.019.489
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	(68.744.209.750)	(62.490.927.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.744.209.750)	(62.490.927.500)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50	(270.319.247.656)	79.522.427.188
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	275.470.207.063	195.947.779.875
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.150.959.407	275.470.207.063



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng

Lê Cao Thủy Linh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 05 ngày 11 tháng 8 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Quyết định số 2893/UBCK-QLPH ngày 08 tháng 06 năm 2015 với mã chứng khoán SEA.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 70 người (31 tháng 12 năm 2024 là 71 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	20 Láng Hạ, Phường Láng, TP Hà Nội	59,34%	59,34%	59,34%
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, Xã Đất Mới, Tỉnh Cà Mau	50,83%	50,83%	50,83%
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng	62,37%	62,37%	62,37%
Công ty liên doanh liên kết:				
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, TP Hồ Chí Minh	47,90%	47,90%	47,90%
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	16/8B Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận, TP Hồ Chí Minh	26,46%	26,46%	26,46%
Công ty CP Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 đường Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty CP Thủy sản số 5	100/26 Bình Thới, Phường Hòa Bình, TP Hồ Chí Minh	22,59%	22,59%	22,59%
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng	27,75%	27,75%	27,75%
Công ty CP Thủy sản số 4	320 Hưng Phú, Phường Chánh Hưng, TP Hồ Chí Minh	27,08%	27,08%	27,08%
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng	36,40%	36,40%	36,40%
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Náo, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty CP Việt Pháp SX Thức ăn gia súc Proconco	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Đồng Nai	22,08%	22,08%	22,08%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần - Seaprodux Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, Xã Bảo Thuận, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Seaprodux Hải Phòng - Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập riêng cho Tổng Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng tổng hợp nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Tổng Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng tổng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng tổng hợp, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tổng hợp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
▪ Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 13 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
▪ Quyền sử dụng đất	32,5 - 50 năm

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng tổng hợp.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Tổng Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình, bao gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, các chi phí khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng)...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Theo Điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 được bổ sung bởi khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định về thuế suất ưu đãi, Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần - Seaprodex Lâm Đồng được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần - Seaprodex Lâm Đồng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt;
- Đối với các lĩnh vực khác áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% hoặc không phải kê khai tính nộp thuế GTGT đối với hoạt động bán hải sản trong nước chỉ qua sơ chế thông thường;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động cho thuê văn phòng, mặt bằng;

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 6.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TỔNG HỢP

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		202.952.700		424.386.000
+ VND		202.952.700		424.386.000
- Tiền gửi ngân hàng		2.906.318.075		1.759.099.302
+ VND		2.889.738.840		1.747.040.182
+ USD	635,78 #	16.579.235	477,57 #	12.059.120
- Các khoản tương đương tiền (*)		2.041.688.632		273.286.721.761
+ VND		2.041.688.632		273.286.721.761
Cộng		5.150.959.407		275.470.207.063

(*) Các khoản tương đương tiền cuối năm là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất 4,75%/năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn:				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - PGD Thuận An	56.033.769.830	56.033.769.830	34.642.500.000	34.642.500.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Sài Gòn	59.503.935.329	59.503.935.329	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Sài Gòn	193.204.954.314	193.204.954.314	-	-
Cộng	309.742.659.473	309.742.659.473	35.642.500.000	35.642.500.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	31.450.200.000	59.340.000.000	-	31.450.200.000	47.472.000.000	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	79.223.570.400	66.019.642.000	-	79.223.570.400	55.862.774.000	-
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam	38.085.190.987	23.504.940.000	-	38.085.190.987	20.698.380.000	(84.636.969)
Cộng	148.758.961.387		-	148.758.961.387		(84.636.969)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất thức ăn gia súc Proconco (ii)	546.897.499.662		-	546.897.499.662		-
Công ty CP Thủy sản số 4	39.992.400.000		(39.992.400.000)	39.992.400.000		(39.992.400.000)
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long (iv)	36.071.360.000	43.563.104.000	-	36.071.360.000	74.917.440.000	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	10.918.845.000	34.940.304.000	-	10.918.845.000	34.940.304.000	-
Công ty CP Thủy sản số 5	9.362.396.255		-	9.362.396.255		-
Công ty CP Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691		(16.563.589)	7.055.024.691		(391.730.509)
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (i)	4.994.824.935		-	4.994.824.935		-
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	4.867.500.000	7.982.700.000	(4.867.500.000)	4.867.500.000	11.487.300.000	(4.867.500.000)
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	2.822.244.376		(994.652.364)	2.822.244.376		(969.701.097)
Công ty CP Kỹ thuật công trình Việt Nam (iii)	-		-	13.144.848.945		-
Cộng	662.982.094.919		(45.871.115.953)	676.126.943.864		(46.221.331.606)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Searefico	53.249.400.000	38.455.824.000	(14.793.576.000)	53.249.400.000	40.328.376.000	(12.921.024.000)
Công ty Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358		-	26.220.102.358		-
Công ty CP Thủy đặc sản	23.144.531.354	54.432.000.000	-	23.144.531.354	33.825.600.000	-
Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	30.986.379.600	-	22.522.500.000	27.465.200.100	-
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Phát triển nhà	2.000.000.000		(2.000.000.000)	2.000.000.000		(2.000.000.000)
Công ty CP Thiết bị Hàng hải - Mecom	1.307.080.395		-	1.307.080.395		-
Công ty CP Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản	1.254.969.616		-	1.254.969.616		-
Công ty CP Vật tư thủy sản Việt Nam	995.940.542		(995.940.542)	995.940.542		(741.937.420)
Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	553.333.272		(306.668.940)	553.333.272		(272.614.620)
Công ty CP Biển Tây	455.000.000		(455.000.000)	455.000.000		(455.000.000)
Công ty CP Bao bì Thủy sản	148.403.919		(41.760.172)	148.403.919		(41.760.172)
Công ty CP Kỹ thuật công trình Việt Nam (iii)	13.144.848.945		-	-		-
Cộng	144.996.110.401		(18.592.945.654)	131.851.261.456		(16.432.336.212)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Năm 2025

Năm 2024

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn
Công ty CP Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam

Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh có lãi

Hoạt động kinh doanh thua lỗ
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh có lãi

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

Công ty CP Công nghiệp Thủy sản
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè
Công ty CP Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long
Công ty CP Thủy sản số 5
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long
Công ty CP Thủy sản số 4
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung

Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh thua lỗ
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh thua lỗ
Hoạt động kinh doanh có lãi

Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh thua lỗ
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh có lãi
Hoạt động kinh doanh thua lỗ
Hoạt động kinh doanh có lãi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(i) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng từ Ủy Ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã tạm chuyển trả số tiền tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty: 4.994.824.935 VND. Tuy nhiên, cho đến hiện tại, do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga chưa hoàn tất việc giải thể, nên Tổng Công ty chưa xử lý bù trừ khoản đầu tư này với phần tiền đã nhận từ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga. (Xem thêm mục (*) Thuyết minh 4.17)

(ii) Tổng Công ty đã thỏa thuận dùng 22.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng Vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 23/6/2016 với Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79. (Xem thêm mục 10)

(iii) Theo Quyết định số 286/QĐ-2T-HĐQT ngày 07/07/2025 của HĐQT Công ty CP Kỹ thuật Công trình Việt Nam về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần phát hành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Tổng Công ty đã không thực hiện quyền mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu tại Công ty. Tổng số cổ phần của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 1.515.136 cổ phần, tương đương 19,44% tỷ lệ sở hữu.

(iv) Theo quyết định số 1223/QĐ ngày 12/09/2025, Công an Thành phố Hải Phòng đã khởi tố vụ án hình sự "Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm". Ngày 13/01/2026, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long đã bị khởi tố theo quyết định số 171 của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hải Phòng. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng tổng hợp này, Công ty CP Đồ hộp Hạ Long vẫn chưa hoàn thành và công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Giá trị khoản đầu tư cũng như đánh giá dự phòng đối với khoản đầu tư này được xem xét trên Báo cáo tài chính của Công ty tự lập.

(v) Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cổ May ("Công ty Cổ may") số 01/GCNCMC ngày 20/3/2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cổ May. Ngày 23/09/2025, Phòng đăng ký kinh doanh thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo về việc Công ty Cổ may giải thể/chấm dứt tồn tại. Theo biên bản cuộc họp số 58/BB-TSVN-TGĐ ngày 30/01/2026, Tổng Công ty xác định Công ty Cổ may đã hoàn tất quá trình giải thể đúng quy định pháp luật về mặt thủ tục hành chính, thống nhất ghi nhận không còn giá trị phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ May.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các Công ty sau dựa trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ:

- Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội;
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn;
- Công ty CP Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam;
- Công ty CP Công nghiệp Thủy sản;
- Công ty CP Đồ hộp Hạ Long;
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung;
- Công ty CP Searefico;
- Công ty CP Thủy đặc sản;
- Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.

Các Công ty còn lại, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Primex International	-	617.677.620
Công ty Cổ phần In Dining	-	2.346.100.972
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Hà Nội	521.389.255	23.529.500
Các đối tượng khác	3.003.438.482	2.691.390.500
Cộng	3.524.827.737	5.678.698.592
Trong đó: phải thu khách hàng là bên liên quan		
- Xem thêm mục 7	521.389.255	23.529.500

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Đà Lạt Cariar	-	1.088.180.000
Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	610.830.342
Các đối tượng khác	267.343.348	520.631.148
Cộng	878.173.690	2.219.641.490

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tiền cổ tức được nhận	-	-	1.925.844.450	-
Các khoản bảo hiểm	11.497.966	-	13.712.899	-
Tạm ứng	16.400.000	-	142.102.371	-
Ký cược, ký quỹ	100.000	-	6.700.000	-
Lãi dự thu	4.422.438.725	-	964.860.843	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.521.188.795	(1.521.188.795)	1.521.188.795	(1.521.188.795)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng	525.747.790	(525.747.790)	525.747.790	(525.747.790)
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	(343.294.620)	343.294.620	(343.294.620)
Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên (*)	16.301.634.294	-	14.865.352.524	-
Thoái vốn nhà nước tại Tổng Công ty	673.118.076	-	673.118.076	-
Chi cục Hải quan Tây Đô (**)	1.163.461.000	-	1.163.461.000	-
Phải thu khác	9.810.852	-	241.257.299	-
Cộng	24.988.692.118	(2.390.231.205)	22.386.640.667	(2.390.231.205)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	4.481.548.027	(23.141.800)	4.423.661.340	(23.141.800)
Cộng	4.481.548.027	(23.141.800)	4.423.661.340	(23.141.800)
Trong đó, phải thu ngắn hạn khác				
là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	-	-	400.000.000	-

(*) Đây là khoản tiền thuê đất từ năm 2019 đến ngày 31/12/2025 tại địa chỉ số 02 Ngõ Gia Tự, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 19/HĐHTKD-SEAPRODEX-T&T ngày 11/05/2012 giữa Tổng Công ty với Công ty TNHH Tài Tâm (Nay là Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên). Theo khoản 5.3 Điều 5 của hợp đồng: "...Tiền thuê đất hàng năm, hoặc tiền thuê đất trả một lần, từ thời điểm Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam bàn giao cơ sở nhà đất để thực hiện Dự án hoặc khi có quyết định về hình thức sử dụng đất của UBND Thành phố Hà Nội. Chi phí thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và thuê đất cho nhà nước đối với toàn bộ khu đất Công ty TNHH Tài Tâm tự chịu trách nhiệm...". Hiện tại dự án vẫn chưa triển khai được.

(**) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Tây Đô (nay là Đội trưởng Hải quan Tây Đô) đã ra Quyết định số 23/QĐ-TĐ ngày 22/4/2021 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại tổ chức tín dụng; số tiền bị cưỡng chế: Thuế nhập khẩu: 310.000.000 VND và Quyết định số 90/QĐ-TĐ ngày 14/11/2024 về việc cưỡng chế quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại tổ chức tín dụng; số tiền bị cưỡng chế (tiền chậm nộp): 853.461.000 VND. Trên cơ sở đó, Tổng công ty đã bị cưỡng chế với tổng số tiền là 1.163.461.000 VND.

Ngày 11/3/2025, Tổng công ty nộp đơn khởi kiện Đội trưởng Hải quan Tây Đô với yêu cầu hủy 02 Quyết định nêu trên. Vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ thụ lý theo Thông báo số 01/2025/TLST-HC ngày 04/7/2025 theo quy định. Ngày 22/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ ban hành Bản án số 02/2025/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính về cưỡng chế nộp thuế, tiền chậm nộp thuế nhập khẩu. Theo đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi của Tổng công ty;

Ngày 06/10/2025, Tổng công ty đã nộp đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ, kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2025/HC-ST ngày 22/9/2025. Ngày 05/02/2026, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 05/2026/QĐ-PT về việc đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại Phiên tòa phúc thẩm ngày 05/3/2026, Hội đồng xét xử quyết định tạm dừng để tiếp tục nghiên cứu hồ sơ và dự kiến sẽ mở lại phiên tòa trong thời gian tới. Tổng công ty tiếp tục theo dõi sát diễn biến vụ việc, phối hợp cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.797.432.487	22.269.680	3.783.655.555	8.667.083
Cộng	3.797.432.487	22.269.680	3.783.655.555	8.667.083

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Bình Minh	150.000.000	-	Trên 3 năm	150.000.000	-	Trên 3 năm
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.733.417.763	-	Trên 3 năm	1.745.825.731	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng	525.747.790	-	Trên 3 năm	525.747.790	-	Trên 3 năm
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	-	Trên 3 năm	343.294.620	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hải Hòa Phát	610.830.342	-	Trên 3 năm	610.830.342	-	Trên 3 năm
Công ty CP Chicken Fire Town	7.000.000	-	Trên 3 năm	7.000.000	2.100.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm
Chi nhánh Công ty TNHH The Only Group - Nhà hàng Beirut	13.134.166	3.940.250	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	13.134.166	6.567.083	Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Công ty Cổ phần Vườn Chung	26.184.900	18.329.430	Từ 6 tháng - dưới 1 năm	-	-	-
Các khách hàng khác	387.822.906	-	Trên 3 năm	387.822.906	-	Trên 3 năm
Cộng	3.797.432.487	22.269.680		3.783.655.555	8.667.083	

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	3.774.988.472	3.823.476.446
Trích dự phòng trong năm	18.711.757	14.837.233
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(18.537.422)	(63.325.207)
Số cuối năm	3.775.162.807	3.774.988.472

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	261.489.951	-	256.927.421	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.396.903.291	-	8.921.697.791	-
Hàng hoá	960.430.850	-	925.423.000	-
Cộng	11.618.824.092	-	10.104.048.212	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.961.805	111.342.559
Thuê nhà kho, mặt hồ	11.250.000	4.500.000
Các khoản khác	127.893.000	112.621.148
Cộng	156.104.805	228.463.707
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	210.444.570	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	99.200.377	165.240.912
Chi phí khác	97.953.051	109.831.232
Cộng	407.597.998	275.072.144

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4.9. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	413.623.123	3.476.655.494	3.395.481.925	-	332.449.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.964.371.092	4.509.304.524	6.725.129.485	-	4.180.196.053
Thuế thu nhập cá nhân	148.141.223	-	1.982.189.484	2.021.278.337	109.052.370	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	336.738.990	-	5.269.216.913	5.605.955.903	-	-
Các loại thuế khác	-	-	236.127.296	235.127.296	1.000.000	-
Cộng	484.880.213	2.377.994.215	15.473.493.711	17.982.972.946	110.052.370	4.512.645.607

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2025	87.161.417.687	8.126.555.844	3.936.575.055	36.084.250	99.260.632.836
Mua trong năm	-	-	1.057.412.431	-	1.057.412.431
Tại ngày 31/12/2025	87.161.417.687	8.126.555.844	4.993.987.486	36.084.250	100.318.045.267
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	74.910.250.028	8.102.801.357	3.716.226.722	36.084.250	86.765.362.357
Khấu hao trong năm	956.898.192	13.574.004	178.260.204	-	1.148.732.400
Tại ngày 31/12/2025	75.867.148.220	8.116.375.361	3.894.486.926	36.084.250	87.914.094.757
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	12.251.167.659	23.754.487	220.348.333	-	12.495.270.479
Tại ngày 31/12/2025	11.294.269.467	10.180.483	1.099.500.560	-	12.403.950.510

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 75.900.439.566 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4.11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	25.532.342.472	396.896.000	25.929.238.472
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	25.532.342.472	396.896.000	25.929.238.472
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	8.809.833.167	396.896.000	9.206.729.167
Khấu hao trong năm	785.610.540	-	785.610.540
Tại ngày 31/12/2025	9.595.443.707	396.896.000	9.992.339.707
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	16.722.509.305	-	16.722.509.305
Tại ngày 31/12/2025	15.936.898.765	-	15.936.898.765

Quyền sử dụng đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2 với nguyên giá đánh giá lại khi cổ phần hóa là 25.532.342.472 VND và đang được Tổng Công ty trích khấu hao trong 32,5 năm (bắt đầu từ 17/04/2015 đến 16/10/2047).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mang đi cầm cố thế chấp tại ngân hàng là 0 VND.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 396.896.000 VND.

4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh (*)	692.174.085.744	692.174.085.744
Công trình Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu	229.453.856	229.453.856
Dự án số 02 Ngõ Gia Tự, Thành phố Hà Nội	109.694.182	109.694.182
Dự án khác	85.800.000	-
Cộng	692.599.033.782	692.513.233.782

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang - Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: giá trị đất, tài sản trên đất và giá trị tiền lãi vay để thanh toán cho việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đã vốn hóa vào giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 131.484.705.744 VND.

- Theo Quyết định số 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về duyệt phương án giá đất theo giá thị trường của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh) để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần;

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

- Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tài chính để được chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và đã được Chi cục thuế Quận 1 (nay là Thuế cơ sở 1 Thành phố Hồ Chí Minh) xác nhận Tổng Công ty đã nộp tiền đất tại ngày 24/01/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 814 tại ngày 27/01/2017;

Tuy nhiên, cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31/12/2025, Tổng Công ty vẫn chưa được Cơ quan quản lý Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện triển khai Dự án xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ trên khu đất này.

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH	173.658.420	173.658.420	139.112.416	139.112.416
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	292.152.000	292.152.000	86.720.000	86.720.000
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Ngọc Long	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty TNHH Đà Lạt Caviar	458.380.000	458.380.000	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm Việt Á Châu	194.880.000	194.880.000	347.527.000	347.527.000
Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	189.000.000	189.000.000	-	-
Các đối tượng khác	52.518.519	52.518.519	371.029.246	371.029.246
Cộng	1.760.588.939	1.760.588.939	944.388.662	944.388.662
Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	292.152.000	292.152.000	86.720.000	86.720.000

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Thực phẩm Bình Vinh Sài Gòn	-	59.182.000
Cộng	-	59.182.000

4.15. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Lương, thưởng	4.572.999.020	6.514.970.378
Cộng	4.572.999.020	6.514.970.378

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Lãi vay phải trả (*)	4.014.307.036	4.014.307.036
Tiền thuê đất (**)	20.342.108.564	17.624.637.314
Chi phí trích trước khác	279.619.028	448.123.766
Cộng	24.636.034.628	22.087.068.116

(*) Đây là lãi vay phải trả tính từ ngày 01/07/2023 đến ngày 21/12/2023 cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 -(Xem thêm mục 10).

(**) Đây là tiền thuê đất trích trước cho lô đất tại số 21 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	5.457.750	4.892.500
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (*)	4.994.824.935	4.994.824.935
Ngô Quang Huy (tiền thi hành án)	1.776.021.500	1.776.021.500
Trợ cấp thôi việc	871.872.062	871.872.062
Nhận ký quỹ, ký cược	954.000.000	10.214.000.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.870.768.571	3.870.768.571
Các khoản phải trả khác	714.498.515	508.789.246
Cộng	13.187.443.333	22.241.168.814
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	24.406.510.000	13.026.510.000
Cộng	24.406.510.000	13.026.510.000

(*) Là số dư liên quan đến khoản Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã chuyển tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (xem thuyết minh số 4.2).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4.18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.823.557.028	2.913.123.273
Cộng	4.823.557.028	2.913.123.273

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	1.250.000.000.000	(95.950.000)	11.060.891.094	631.849.570.814	1.892.814.511.908
Lãi trong năm trước	-	-	-	70.048.499.087	70.048.499.087
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(62.495.250.000)	(62.495.250.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.826.647.559)	(4.826.647.559)
Tại ngày 01/01/2025	1.250.000.000.000	(95.950.000)	11.060.891.094	634.576.172.342	1.895.541.113.436
Lãi trong năm nay	-	-	-	71.766.665.213	71.766.665.213
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(68.744.775.000)	(68.744.775.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(4.648.165.962)	(4.648.165.962)
Tại ngày 31/12/2025	1.250.000.000.000	(95.950.000)	11.060.891.094	632.949.896.593	1.893.914.837.687

(*) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2025.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	300.368.000.000	24,03%	-	0,00%
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ	-	0,00%	180.000.000.000	14,40%
Công ty CP Tập đoàn Gelex	30.218.000.000	2,42%	118.982.000.000	9,52%
Công ty CP Đầu tư REDWOOD	105.449.000.000	8,44%	-	0,00%
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
Các cổ đông khác	21.589.050.000	1,72%	158.642.050.000	12,69%
Cộng	1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000

4.19.4. Cổ phần

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
Bao gồm: Cổ phần phổ thông	125.000.000	125.000.000
Cổ phần ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.500	9.500
Bao gồm: Cổ phần phổ thông	9.500	9.500
Cổ phần ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	124.990.500	124.990.500
Bao gồm: Cổ phần phổ thông	124.990.500	124.990.500
Cổ phần ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

4.19.5. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2025, Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2024 với số tiền 68.744.775.000 VND (tương đương 5,5% vốn điều lệ).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4.20. Quỹ đầu tư phát triển

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	11.060.891.094
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	11.060.891.094

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng tổng hợp

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại: USD	635,78	477,57
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627
Thuế xuất nhập khẩu nộp 2 lần tại Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh	6.231.565	6.231.565
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà	187.452.000	187.452.000
Cộng	241.598.192	241.598.192

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	35.546.455.090	22.062.800.508
Doanh thu bán thành phẩm	13.132.836.800	15.416.656.750
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.403.249.102	46.606.506.616
Cộng	93.082.540.992	84.085.963.874

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	64.284.648	54.901.325
Hàng bán bị trả lại	27.106.050	-
Cộng	91.390.698	54.901.325

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.705.925.402	19.893.202.023
Giá vốn của thành phẩm đã bán	11.087.930.155	9.314.380.916
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.713.138.673	14.829.054.206
Cộng	54.506.994.230	44.036.637.145

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.852.879.514	12.789.252.720
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	59.791.090	61.032.806
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.962.952.350	46.222.566.250
Lãi bán ngoại tệ	142.106.500	60.287.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	52.359.571	202.516.724
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục gốc ngoại tệ cuối năm	7.244.352	7.000.226
Lãi bán hàng trả chậm	3.586.429	-
Cộng	64.080.919.806	59.342.655.726

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư tài chính	1.725.756.820	(3.220.178.274)
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	18.214.554	1.096.213
Chiết khấu thanh toán	4.963.642	2.331.296
Chi phí tài chính khác	-	170.000.000
Cộng	1.748.935.016	(3.046.750.765)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.087.674.334	3.174.698.486
Chi phí vật liệu, bao bì	302.369.797	120.393.720
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	52.492.509	52.453.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	90.142.500	90.142.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.102.371.095	888.017.559
Chi phí bằng tiền khác	1.409.139.964	1.117.840.296
Cộng	6.044.190.199	5.443.546.517

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.691.985.314	14.406.473.583
Chi phí vật liệu quản lý	159.780.409	331.051.413
Chi phí đồ dùng văn phòng	432.985.654	462.305.189
Chi phí khấu hao TSCĐ	615.924.324	498.445.826
Thuế, phí và lệ phí	651.260.157	893.330.417
Chi phí trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	174.335	(48.487.974)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.165.920.345	2.160.608.941
Chi phí bằng tiền khác	2.250.022.376	2.151.590.622
Cộng	18.968.052.914	20.855.318.017

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi thanh lý tài sản, công cụ	16.333.796	30.200.000
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	2.250.000.000	
Thu nhập khác	130.407.219	95.229.843
Cộng	2.396.741.015	125.429.843

5.9. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nộp phạt hành chính, thuế	14.111.445	82.000.000
Chi phí khác	123.819	3.917.443
Cộng	14.235.264	85.917.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.186.403.492	76.124.479.761
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	761.186.082	8.515.027.201
- Chi phí không được trừ	745.225.636	479.633.625
- Lãi CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm trước	15.960.446	14.316.683
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế từ dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	8.021.076.893
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	56.522.365.482	46.238.526.696
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm nay	7.244.352	15.960.446
- Chênh lệch tạm thời không chịu thuế từ dự phòng các khoản đầu tư tài chính	9.552.168.780	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.962.952.350	46.222.566.250
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	22.425.224.092	38.400.980.266
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	4.509.304.524	7.680.196.053
<i>Trong đó</i>		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.485.044.818	7.680.196.053
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	24.259.706	-

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.910.433.755	(1.604.215.379)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.910.433.755	(1.604.215.379)

5.12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.594.414.248	10.534.433.885
Chi phí nhân công	17.952.203.645	20.324.286.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.934.342.940	1.916.028.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.970.792.715	8.491.836.256
Chi phí khác bằng tiền	5.911.344.345	10.987.497.312
Cộng	49.363.097.893	52.254.082.858

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bán hàng hóa
- Bán thành phẩm
- Cung cấp dịch vụ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024:

	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bộ phận	22.062.800.508	15.416.656.750	46.606.506.616	84.085.963.874
Giảm trừ doanh thu	14.900.949	40.000.376	-	54.901.325
Giá vốn của bộ phận	19.893.202.023	9.314.380.916	14.829.054.206	44.036.637.145
Chi phí bán hàng và QLDN	6.900.397.820	4.821.738.953	14.576.727.761	26.298.864.534
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.745.700.284)	1.240.536.505	17.200.724.649	13.695.560.870
+ Doanh thu tài chính				59.342.655.726
+ Chi phí tài chính				(3.046.750.765)
+ Thu nhập khác				125.429.843
+ Chi phí khác				85.917.443
Lợi nhuận trước thuế				76.124.479.761
Thuế TNDN hiện hành				7.680.196.053
Thuế TNDN hoãn lại				(1.604.215.379)
Lợi nhuận sau thuế				70.048.499.087

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thông tin khác tại ngày 01/01/2025	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	796.982.000.532	14.162.018.248	1.157.349.853.819	1.968.493.872.599
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	796.982.000.532	14.162.018.248	1.157.349.853.819	1.968.493.872.599
Nợ phải trả của bộ phận	32.258.456.395	382.366.581	40.311.936.187	72.952.759.163
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	32.258.456.395	382.366.581	40.311.936.187	72.952.759.163
Chi phí khấu hao bộ phận	502.735.006	-	1.413.293.630	1.916.028.636
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025:

	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bộ phận	35.546.455.090	13.132.836.800	44.403.249.102	93.082.540.992
Giảm trừ doanh thu	56.477.166	34.913.532	-	91.390.698
Giá vốn của bộ phận	31.705.925.402	11.087.930.155	11.713.138.673	54.506.994.230
Chi phí bán hàng và QLDN	9.551.700.749	3.528.929.306	11.931.613.058	25.012.243.113
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.767.648.227)	(1.518.936.193)	20.758.497.371	13.471.912.951
+ Doanh thu tài chính				64.080.919.806
+ Chi phí tài chính				1.748.935.016
+ Thu nhập khác				2.396.741.015
+ Chi phí khác				14.235.264
Lợi nhuận trước thuế				78.186.403.492
Thuế TNDN hiện hành				4.509.304.524
Thuế TNDN hoãn lại				1.910.433.755
Lợi nhuận sau thuế				71.766.665.213

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	891.723.841.505	15.332.843.034	1.063.815.408.371	1.970.872.092.910
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	891.723.841.505	15.332.843.034	1.063.815.408.371	1.970.872.092.910
Nợ phải trả của bộ phận	34.819.418.016	1.333.667.045	40.804.170.162	76.957.255.223
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	34.819.418.016	1.333.667.045	40.804.170.162	76.957.255.223
Chi phí khấu hao bộ phận	299.841.573	-	1.634.501.367	1.934.342.940
Chi phí mua sắm tài sản	436.571.122	-	706.641.309	1.143.212.431

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng tổng hợp, số dư phải thu, phải trả với Công ty mẹ, các Công ty con và các Công ty liên kết có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
2. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội
3. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn
4. Công ty CP Cơ khí Đóng tàu - Thủy sản Việt Nam
5. Công ty CP Thủy sản số 5
6. Công ty CP Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Nhân sự quản lý chủ chốt

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	521.389.255	23.529.500
Cộng – Xem thêm mục 4.3	521.389.255	23.529.500
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu cổ tức: Công ty CP Kỹ thuật Công trình Việt Nam	-	400.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	-	400.000.000
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	292.152.000	86.720.000
Cộng – Xem thêm mục 4.13	292.152.000	86.720.000

Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó Tổng Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng tổng hợp của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Hoàng Ngọc Thạch	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	28.000.000	84.000.000
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	84.000.000	56.000.000
Ông Võ Tùng Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	28.000.000	56.000.000
Bà Đặng Phương Lan	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	56.000.000	-
Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	56.000.000	-
Ông Lê Cao Khánh	Trưởng BKS (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	48.000.000	-
Bà Đặng Phương Lan	Trưởng BKS (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	24.000.000	64.000.000
Ông Trần Thanh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	16.000.000	48.000.000
Bà Phạm Trâm Anh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2025)	16.000.000	32.000.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	32.000.000	-
Bà Phạm Thị Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2025)	32.000.000	-

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc	1.296.507.792	1.327.174.277
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	1.043.275.651	1.081.128.441
Ông Lê Vĩnh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	947.302.201	984.045.378
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	-	63.505.671
Ông Đỗ Trung Chuyên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025)	525.043.449	-

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**Đối với bên cho thuê**

Tổng Công ty cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	44.403.249.102	46.606.506.616

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT NẠM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng tổng hợp.

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Tổng Công ty đã vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng đất của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 01/2016/HĐVV ngày 23/06/2016 với số tiền là 250.000.000.000 VND, lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 22.000.000 cổ phần của Tổng Công ty có tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (Xem thêm mục 4.2).

Theo bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/06/2019, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty như sau: "Buộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nộp số tiền 250.000.000.000 VND (tiền gốc) và 18.403.423.025 VND (tiền lãi) đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ trong vụ án này và các giao dịch khác có liên quan".

Từ ngày 10/02/2023 đến ngày 22/12/2023, Tổng Công ty đã bị cưỡng chế khấu trừ toàn bộ số tiền 268.403.423.025 VND theo Quyết định thi hành án chủ động số 910/QĐ-CTHADS ngày 27/02/2020 để thi hành án liên quan đến bản án phúc thẩm trên.

Ngoài số tiền 268.403.423.025 VND đã được Tổng Công ty thi hành cưỡng chế nêu trên, tính đến hiện nay, Tổng Công ty đã thanh toán thêm 96.196.605.130 VND tiền lãi vay cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79. Phần lãi vay còn lại (trong tổng lãi vay tính đến ngày 21/12/2023) chưa được Tổng Công ty thanh toán là 4.014.307.036 VND (Xem thêm mục 4.16).

Hiện tại, giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 vẫn tiếp tục làm việc để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi của các bên.

Ngoài ra, Tổng Công ty đã có Công văn số 371/TSVN-TCKT ngày 19/10/2023 về việc đề nghị xem xét quá trình thi hành án đối với QĐ 910 gửi Cục THADS TP.Hà Nội và Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga để được xem xét và làm rõ và các Công văn khác.

Ngày 09/07/2025, Tổng Công ty nhận được Công văn số 83/2025/GTT-TA của Tòa án Nhân dân Khu vực 1 Thành phố Hồ Chí Minh về việc tham gia phiên họp và hòa giải vào ngày 04/08/2025. Trên cơ sở đã thống nhất của HĐQT Tổng Công ty về các vấn đề liên quan nợ gốc và lãi vay giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 tại Nghị quyết số 66/NQ-TSVN-HĐQT ngày 30/8/2023 và các hành động pháp lý xuyên suốt của Tổng Công ty từ khi có BAPT 346, QĐ 910 cho đến nay, Tổng Công ty đã nộp bản tự khai số 299/TSVN-HCNS ngày 30/07/2025 và cung cấp cho tòa các tài liệu đính kèm. Tiếp đó, tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Thông báo số 445/2025/TB-TA ngày 25/11/2025 và Thông báo số 75/2025/TB-TA ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đã tham dự và nêu ý kiến của Tổng Công ty về vụ án theo quy định.

Ngày 12/01/2026, Tổng Công ty nhận được Quyết định số 21/2026/QĐXXST-KDTM ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đưa vụ án ra xét xử. Theo đó, thời gian mở phiên tòa được diễn ra vào ngày 23/01/2026 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Ngày 28/01/2026, bản án số 7/2026/KDTM-ST tuyên xử: đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 về việc: "Buộc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty Cổ phần thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại theo Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 23/6/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo gồm Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2017/PLHĐVV ngày 20/6/2017, Phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/2017/PLHĐVV ngày 28/12/2017, với số tiền là 250.000.000.000 đồng".



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng

Lê Cao Thùy Linh
Người lập

